

Số: 290 /QĐ-CNHN

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá cụ thể các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt¹
Tại Chi nhánh Khai thác đường sắt Hà Nội

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH KHAI THÁC ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023

Căn cứ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 2009/QĐ-ĐS ngày 19/12/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về việc thành lập Chi nhánh Khai thác đường sắt Hà Nội thuộc Tổng công ty ĐSNV;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-ĐS ngày 31/12/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Khai thác đường sắt Hà Nội thuộc Tổng công ty ĐSNV;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-ĐS ngày 02/7/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác tài sản đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-ĐS ngày 14/7/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN phê duyệt giá tối thiểu các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt¹ do Chi nhánh KTĐS Hà Nội quản lý, khai thác;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh & Tài chính kế toán

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá cụ thể các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt tại các ga trực thuộc Chi nhánh Khai thác đường sắt Hà Nội (chi tiết trong Phụ lục kèm theo Quyết định này).

¹ Trong Quyết định này, Tài sản đường sắt bao gồm: 1) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; 2) Tài sản thuộc sở hữu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam gồm nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc trên đất không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 2. Giá dịch vụ nêu tại Điều 1 đã bao gồm tiền nộp NSNN 20% (đối với tài sản nhóm 1), tiền thuê đất (đối với tài sản nhóm 2) và chi phí quản lý, khai thác tài sản; Chưa bao gồm các loại thuế giá trị gia tăng, phí, lệ phí, bảo hiểm và các chi phí phát sinh khác (nếu có) khi khai thác tài sản theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ phận phòng Tổ chức hành chính Chi nhánh thực hiện niêm yết giá công khai trên công thông tin điện tử của Tổng công ty và tại các địa điểm cung cấp dịch vụ tại các ga trực thuộc Chi nhánh.

1. Các phòng nghiệp vụ Chi nhánh, Trưởng các ga căn cứ quy định tại Điều 1 Quyết định này và tình hình khai thác, kinh doanh thực tế tại địa phương để triển khai giá cụ thể các dịch vụ đường sắt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giá cụ thể các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt được điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 14 Quy chế tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác tài sản đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-ĐS ngày 02/7/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng nghiệp vụ, trưởng các ga; các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ khai thác tài sản, thuê tài sản đường sắt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng công ty ĐSVN (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



PHỤ LỤC

Giá cụ thể các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 230/QĐ-CNHN ngày 16/7/2025 của
Tại Chi nhánh Khai thác đường sắt Hà Nội)

STT	Nhóm các ga	Tên ga	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá cụ thể	Ghi chú
1	A	Ga Hà Nội	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	2	Văn phòng Trạm công tác trên tàu (trạm CT3) ga B	Đồng/m ² /tháng	113.200	
					1	Nhà đợi tàu ga B	Đồng/m ² /tháng	113.200	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Quảng trường ga B ga HN	Đồng/m ² /tháng	56.800	
					1	Bãi hàng ga HN	Đồng/m ² /tháng	56.800	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm làm việc	2	Nhà 02 tầng ga B	Đồng/m ² /tháng	163.700	
					1	Nhà ga A tầng 1 mới - ga HN	Đồng/m ² /tháng	170.500	
					1	Nhà ga A tầng 1 cũ - ga HN	Đồng/m ² /tháng	170.500	
					2	Nhà cạnh cổng số 5 ga B	Đồng/m ² /tháng	163.700	
					1	Nhà đợi tàu ga B	Đồng/m ² /tháng	163.700	
					1	Nhà ga A tầng 2 mới - ga Hà Nội	Đồng/m ² /tháng	170.500	
					1	Nhà ga A tầng 2 cũ ga Hà Nội	Đồng/m ² /tháng	170.500	
					1	Nhà ga A tầng 3 mới ga Hà Nội	Đồng/m ² /tháng	170.500	
					1	Nhà ga A tầng 3 cũ ga Hà Nội	Đồng/m ² /tháng	170.500	

					2	Nhà phụ trợ sân Tennis	Đồng/m ² /tháng	163.700	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà ga A tầng 1 mới - ga HN	Đồng/m ² /tháng	429.100	
					1	Nhà ga A tầng 1 cũ - ga HN	Đồng/m ² /tháng	429.100	
					2	Xưởng chế biến (quán bia)	Đồng/m ² /tháng	337.600	
					2	Ki ốt ga B (nằm trước cửa Trần Quý Cáp)	Đồng/m ² /tháng	264.700	
					2	Kiốt bán hàng tiện ích ga A	Đồng/m ² /tháng	264.700	
					2	Nhà A3,A4,A5, sân tường rào	Đồng/m ² /tháng	221.400	
					2	Kiốt cho thuê từ số 9-47	Đồng/m ² /tháng	332.000	
					2	4 gian kiốt sau tổ rèn + Lò xo	Đồng/m ² /tháng	332.000	
			Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt theo quy định của pháp luật	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga A tầng 1 mới - ga HN	Đồng/m ² /tháng	353.900	
					1	Nhà ga A tầng 1 cũ - ga HN	Đồng/m ² /tháng	353.900	
2		Ga Long Biên	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	2	Nhà ga Long Biên	Đồng/m ² /tháng	303.700	
3		Ga Giáp Bát	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	1	Kho tiếp (Giáp Bát)	Đồng/m ² /tháng	90.300	
					1	Kho hàng lẻ ga Giáp Bát	Đồng/m ² /tháng	90.300	
					2	Kho ga Giáp Bát	Đồng/m ² /tháng	69.900	

			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng bắc ga Giáp Bát	Đồng/m ² /tháng	35.300	
					1	Bãi hàng nam ga GB	Đồng/m ² /tháng	35.300	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm làm việc	1	Nhà ga 2 tầng ga Giáp Bát	Đồng/m ² /tháng	145.000	
					2	Phòng làm việc ga Giáp Bát	Đồng/m ² /tháng	145.000	
				Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số “A” là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại các ga: Hà Nội, Giáp Bát và Long Biên					
	Dịch vụ tài sản khác nhóm A		Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho			Đồng/m ² /tháng	90.300	
		Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi				Đồng/m ² /tháng	35.300	
		Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm làm việc				Đồng/m ² /tháng	145.000	
		Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh				Đồng/m ² /tháng	221.400	
4	B	Ga Văn Điển	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	2	Kho số 1 phía nam ga Văn Điển	Đồng/m ² /tháng	56.600	
					2	Kho số 2 phía nam ga Văn Điển	Đồng/m ² /tháng	56.600	
					2	Kho ga đường quốc lộ 1AVĐ	Đồng/m ² /tháng	56.600	
					2	Kho giáp đường số 4 ga VĐ	Đồng/m ² /tháng	56.600	
					2	Kho giáp đường số 4 ga VĐ	Đồng/m ² /tháng	56.600	

					2	Kho giáp đường số 4 ga VĐ	Đồng/m ² /tháng	56.600	
					2	Kho giáp đường số 4 ga VĐ	Đồng/m ² /tháng	56.600	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng phía Nam ga Văn Điển	Đồng/m ² /tháng	25.200	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm làm việc	1	Nhà ga Văn Điển 11 gian	Đồng/m ² /tháng	68.700	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	2	Dãy Ki ốt đầu bắc ga VĐ	Đồng/m ² /tháng	103.000	
					2	Dãy Kiốt đầu nam ga VĐ	Đồng/m ² /tháng	103.000	
	Dịch vụ tài sản khác nhóm B			Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số "B" là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình tại ga Văn Điển					
5	C	Ga Thường Tín	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	1	Kho hàng ga Thường Tín	Đồng/m ² /tháng	49.300	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Thường Tín	Đồng/m ² /tháng	35.600	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Sân ga Thường Tín	Đồng/m ² /tháng	42.200	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm quảng cáo	1	Nhà ga Thường Tín	Đồng/m ² /tháng	38.200	
6		Ga Hà Đông	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	2	Kho ga Hà Đông	Đồng/m ² /tháng	34.600	

			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	2	Bãi hàng ga Hà Đông	Đồng/m ² /tháng	22.000	
				Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số "C" là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại các ga: Thường Tín, Hà Đông					
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho			Đồng/m ² /tháng	34.600	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi			Đồng/m ² /tháng	22.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh			Đồng/m ² /tháng	42.200	
7		Ga Phú Xuyên	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà ga Phú Xuyên	Đồng/m ² /tháng	37.000	
8		Ga Kim Nỗ	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác bãi	2	Bãi hàng ga Kim Nỗ	Đồng/m ² /tháng	19.500	
9		Ga Thạch Lỗi	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	2	Bãi hàng ga Thạch Lỗi	Đồng/m ² /tháng	16.600	
10	D	Ga Phú Diễn	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	2	Kho hàng ga Phú Diễn	Đồng/m ² /tháng	24.400	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	2	Bãi hàng ga Phú Diễn	Đồng/m ² /tháng	21.500	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm làm việc	1	Nhà ga Phú Diễn	Đồng/m ² /tháng	23.900	

	Dịch vụ tài sản khác của nhóm D		Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số “D” là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại các ga: Phú Xuyên, Kim Nỗ, Thạch Lỗi, Phú Diễn						
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho			Đồng/m ² /tháng	24.400	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi			Đồng/m ² /tháng	16.600	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm làm việc			Đồng/m ² /tháng	23.900	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh			Đồng/m ² /tháng	37.000	